

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/DS-ST
Ngày: 20-3-2024
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Phú Thọ
- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Văn Hải

2. Ông Bùi Văn Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 561/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2024/QĐST-DS, ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Cẩm L, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Tổ A, khóm X, phường Y, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số Q, đường N, phường V, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn** Bà Đặng Thị Nh, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ C, ấp T xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

Tạm trú: Tổ T, ấp F, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ C, ấp T xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

(Bà D, bà Nh có mặt; và ông Tr vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Bà L và bà Đặng Thị Nh là xóm giềng với nhau. Năm 2022, do cần vốn để

buôn bán nên bà Nh có đến gặp bà L để vay tiền. Bà Nh vay, cụ thể chia làm 02 khoản như sau:

** Khoản vay tiền theo tháng:*

- Vào ngày 24/5/2022, bà L có cho bà Đặng Thị Nh vay số tiền 100.000.000đ, hai bên có làm biên nhận, nhận tiền mặt tại nhà bà L. Theo đó, có ghi “*tôi Đặng Thị Nh có thể chấp cho tôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số BD 789098, diện tích 1.407,9m² cho em Trần Thị Cẩm L. Khi nào tôi trả hết tiền cho em Trần Thị Cẩm L thì em ấy trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi*”. Bà Nh có đưa cho bà L giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: CH00682 do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho ông Nguyễn Quốc Tr và bà Đặng Thị Nh, ngày 28/02/2012.

- Ngày 24/6/2022, bà Đặng Thị Nh có đến nhà bà L hỏi vay thêm số tiền 15.000.000đ, hai bên có làm biên nhận.

- Ngày 26/6/2022, bà Đặng Thị Nh có đến nhà bà Linh nói rằng con của chị bên chồng bị tai nạn đang nằm ở phòng cấp cứu ở Bệnh viện Chợ Rẫy cần tiền điều trị nên hỏi vay thêm số tiền 50.000.000đ. Hai bên có làm biên nhận, bà Nh nhận tiền mặt tại nhà bà L. Theo đó, có ghi “*Em Trần Thị Cẩm L có giữ bằng phán (GN QSDĐ) của ông Đặng Văn B. Địa chỉ: ấp 4, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Khi nào chị Nh và ông B trả tiền cho em L thì em L trả giấy QSDĐ*”. Tuy nhiên, sau đó bà Nh đã mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để bán đất trả tiền cho bà L. Vì vậy, hiện nay bà L không còn giữ giấy CN QSDĐ nêu trên.

- Ngày 01/7/2022, bà L có cho bà Đặng Thị Nh hỏi vay thêm số tiền 10.000.000đ, hai bên có làm biên nhận.

Tổng số tiền bà Đặng Thị Nh còn nợ là 175.000.000đ.

** Khoản vay dưới dạng góp theo ngày, tuần:*

- Ngày 17/7/2022, bà Đặng Thị Nh đến nhà bà L kêu cho góp ngày để bà Nh có điều kiện có vốn buôn bán, bà L có cho bà Nh vay số tiền 30.000.000đ, góp mỗi ngày 300.000đ/01 ngày, bắt đầu góp ngày 17/7/2022, hai bên có làm biên nhận. Hai bên thống nhất tổng số ngày bà Nh phải trả tiền gốc và tiền góp là 125 ngày (trong đó 100 ngày tiền gốc và 25 ngày góp tiền lãi). Nhưng bà Nh chỉ đóng 47 ngày tiền gốc tương đương số tiền 14.100.000đ. Như vậy, đến nay bà Nh còn nợ bà L 53 ngày chưa đóng với số tiền 15.900.000đ. Bà L không yêu cầu bà Nh trả 25 ngày góp tiền lãi.

- Ngày 26/7/2022, bà L có cho bà Nh vay thêm số tiền 10.000.000đ, góp mỗi ngày 200.000đ/01 ngày, bắt đầu góp ngày 26/7/2022, hai bên có làm biên nhận. Hai bên thống nhất tổng số ngày bà Nh phải trả tiền gốc và tiền góp là 56 ngày (trong đó 50 ngày tiền gốc và 06 ngày góp tiền lãi). Nhưng bà Nh chỉ đóng 38 ngày tiền gốc tương đương số tiền 7.600.000đ. Như vậy, đến nay bà Nh còn nợ bà L 12 ngày chưa đóng với số tiền 2.400.000đ. Bà L không yêu cầu bà Nh trả 06 ngày góp tiền lãi.

- Ngày 28/7/2022, bà L có cho bà Nh vay thêm số tiền 15.000.000đ, góp mỗi ngày 300.000đ/01 ngày, bắt đầu góp ngày 28/7/2022, hai bên có làm biên

nhận. Hai bên thống nhất tổng số ngày bà Nh phải trả tiền gốc và tiền góp là 56 ngày (trong đó 50 ngày tiền gốc và 06 ngày góp tiền lãi). Nhưng bà Nh chỉ đóng 46 ngày tiền gốc tương đương số tiền 13.800.000đ. Như vậy, đến nay bà Nh còn nợ bà L 04 ngày chưa đóng với số tiền 1.200.000đ. Bà L không yêu cầu bà Nh trả 06 ngày góp tiền lãi.

- Ngày 04/8/2022, bà L có cho bà Nh vay số tiền 30.000.000đ, góp mỗi ngày 300.000đ/01 ngày, bắt đầu góp ngày 04/8/2022, hai bên có làm biên nhận. Hai bên thống nhất tổng số ngày bà Nh phải trả tiền gốc và tiền góp là 125 ngày (trong đó 100 ngày tiền gốc và 25 ngày góp tiền lãi). Nhưng bà Nh chỉ đóng 29 ngày tiền gốc tương đương số tiền 8.700.000đ. Như vậy, đến nay bà Nh còn nợ bà L 71 ngày chưa đóng với số tiền 21.300.000đ. Bà L không yêu cầu bà Nh trả 25 ngày góp tiền lãi.

- Ngày 12/8/2022, bà L có cho bà Nh vay thêm số tiền 60.000.000đ, góp mỗi ngày 500.000đ/01 ngày, bắt đầu góp ngày 12/8/2022, hai bên có làm biên nhận. Hai bên thống nhất tổng số ngày bà Nh phải trả tiền gốc và tiền góp là 143 ngày (trong đó 120 ngày tiền gốc và 23 ngày góp tiền lãi). Nhưng bà Nh chỉ đóng 21 ngày tiền gốc tương đương số tiền 10.500.000đ. Như vậy, đến nay bà Nh còn nợ bà L 99 ngày chưa đóng với số tiền 49.500.000đ. Bà L không yêu cầu bà Nh trả 23 ngày góp tiền lãi.

- Ngày 17/8/2022, bà L có cho bà Nh vay thêm số tiền 5.000.000đ, góp mỗi ngày 100.000đ/01 ngày, bắt đầu góp ngày 17/8/2022, hai bên có làm biên nhận. Hai bên thống nhất tổng số ngày bà Nh phải trả tiền gốc và tiền góp là 56 ngày (trong đó 50 ngày tiền gốc và 06 ngày góp tiền lãi). Nhưng bà Nh chỉ đóng 16 ngày tiền gốc tương đương số tiền 1.600.000đ. Như vậy, đến nay bà Nh còn nợ bà L 34 ngày chưa đóng với số tiền 3.400.000đ. Bà L không yêu cầu bà Nh trả 06 ngày góp tiền lãi.

- Ngày 22/8/2022, bà L có cho bà Nh vay thêm số tiền 10.000.000đ, góp mỗi tuần 1.000.000đ/01 tuần, bắt đầu góp ngày 22/8/2022, hai bên có làm biên nhận. Hai bên thống nhất tổng số tuần bà Nh phải trả tiền gốc là 10 tuần. Nhưng bà Nh chỉ đóng được 01 tuần tiền gốc tương đương số tiền 1.000.000đ. Như vậy, đến nay bà Nh còn nợ bà L 09 tuần chưa đóng với số tiền 9.000.000đ. Bà L không yêu cầu bà Nh trả tiền lãi.

- Ngày 02/9/2022, bà L có cho bà Nh vay thêm số tiền 10.000.000đ, góp mỗi ngày 200.000đ/01 ngày, bắt đầu góp ngày 02/9/2022, hai bên có làm biên nhận. Hai bên thống nhất tổng số ngày bà Nh phải trả tiền gốc và tiền góp là 56 ngày (trong đó 50 ngày tiền gốc và 06 ngày góp tiền lãi). Nhưng bà Nh chưa trả bà L được số tiền trên. Như vậy, đến nay bà Nh còn nợ bà L số tiền 10.000.000đ. Bà L không yêu cầu bà Nh trả 06 ngày góp tiền lãi.

Tổng số tiền bà Đặng Thị Nh vốn vay (góp ngày và tuần) còn nợ là 112.700.000đ;

Như vậy, tổng số tiền bà Nh còn nợ bà L số tiền 287.700.000đ. Việc bà Nh giao cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số vào sổ: CH00682 do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho ông Nguyễn Quốc

Tr và bà Đặng Thị Nh, ngày 28/02/2012 chỉ là hình thức để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. *Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết:*

1. Buộc Đặng Thị Nh và ông Nguyễn Quốc Tr liên đới trả cho bà L số tiền vốn gốc là: 287.700.000đ; không yêu cầu tính lãi.

2. Sau khi bà Đặng Thị Nh trả xong số tiền nợ trên, bà L đồng ý trả lại cho bà Đặng Thị Nh và ông Nguyễn Quốc Tr 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số vào sổ: CH00682 do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho ông Nguyễn Quốc Tr và bà Đặng Thị Nh, ngày 28/02/2012.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bà Đặng Thị Nh và ông Nguyễn Quốc Tr liên đới trả cho bà L số tiền vốn gốc là: 287.700.000đ; không yêu cầu tính lãi; Đồng ý trả lại cho bà Nh và ông Tr 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản chính số vào sổ: CH00682 do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho ông Nguyễn Quốc Tr và bà Đặng Thị Nh, ngày 28/02/2012.

- Tại phiên tòa bị đơn Đặng Thị Nh trình bày:

Thừa nhận có vay, có viết biên nhận và còn nợ tiền như phía nguyên đơn trình bày; Tuy nhiên do không có khả năng nên chưa trả tiền cho nguyên đơn; Nay bà Nh đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn;

Việc bà Nh vay tiền là để làm ăn và phục vụ cho cuộc sống hàng ngày của gia đình; Việc vay tiền này ông Tr là chồng của bà Nh cũng biết và đồng ý trả nợ nhưng chưa có khả năng; do chưa bán được tài sản để trả nợ. Đồng thời ông Tr biết Tòa án triệu tập để giải quyết vụ án nhưng do bận phải đi làm kiếm sống nên vắng mặt trong các làm Tòa án triệu tập;

Đối với việc nguyên đơn đồng ý trả lại cho bà Đặng Thị Nh và ông Nguyễn Quốc Tr 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số vào sổ: CH00682 do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho ông Nguyễn Quốc Tr và bà Đặng Thị Nh, ngày 28/02/2012 thì bà Nh cũng đồng ý, không có ý kiến khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc Tr vắng mặt, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Đặng Thị Nh có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Căn cứ vào khoản 2, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là bà L khởi kiện yêu cầu bà Nh và ông Tr trả tiền vay nên xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hợp

đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Theo yêu cầu khởi kiện bà L yêu cầu bà Nh và ông Tr trả số tiền vốn vay còn nợ là 287.700.000đồng.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do bà L cung cấp và tại phiên tòa bà Nh thừa nhận có vay, có viết biên nhận, còn nợ và đồng ý trả bà L số tiền vốn vay 287.700.000đồng như phía nguyên đơn trình bày.

Đối với ông Nguyễn Quốc Tr, mặc dù không trực tiếp vay tiền của bà L, nhưng theo bà Nh trình bày: Bà Nh và ông Tr là vợ chồng; Bà Nh vay tiền là để làm ăn và phục vụ cho cuộc sống hàng ngày của gia đình; Việc vay tiền này ông Tr là chồng của bà Nh cũng biết và đồng ý trả nợ nhưng chưa có khả năng; do chưa bán được tài sản để trả nợ. Đồng thời, ông Tr không ý kiến phản đối yêu cầu của bà L.

Do vậy, bà L yêu cầu bà Nh và ông Tr liên đới trả tiền vốn vay 287.700.000đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Về phần lãi suất: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

[4] Về việc bà L đồng ý trả cho bà Đặng Thị Nh và ông Nguyễn Quốc Tr 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số vào sổ: CH00682 do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho ông Nguyễn Quốc Tr và bà Đặng Thị Nh, ngày 28/02/2012; Bà Nh cũng đồng ý; Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà L nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà L không phải chịu án phí. Bà Nh và ông Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 14.385.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ:

Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015;

Các Điều 27 và 30 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Cẩm L;

- Buộc bà Đặng Thị Nh và ông Nguyễn Quốc Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Trần Thị Cẩm L số tiền vốn là 287.700.000 (Hai trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan

thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng người phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Bà L có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Nh và ông Nguyễn Quốc Tr 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số vào sổ cấp GCN: CH00682 do Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh cấp cho ông Nguyễn Quốc Tr và bà Đặng Thị Nh, ngày 28/02/2012;

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.193.000 đồng theo Biên lai thu số 0007078 ngày 20/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Đặng Thị Nh và ông Nguyễn Quốc Tr có nghĩa vụ nộp 14.385.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND TPCL;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Phú Thọ